ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 677 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 12 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch và dự toán thực hiện Chương trình trồng cây xanh phân tán năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 42/2026/NĐ-CP, ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Nghị quyết số 30-NQ/TU, ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 187/TTr-SNNMT ngày 02 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch và dự toán thực hiện Chương trình trồng cây xanh phân tán năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, như sau:

1. Kế hoạch thực hiện.

a) Tên nhiệm vụ: Chương trình trồng cây xanh phân tán năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

b) Chủ đầu tư thực hiện: Chi cục Kiểm lâm trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

c) Số lượng của 11 loài cây: trồng 708.989 cây, gồm: Thông đuôi ngựa/Thông Mã vĩ (hạt) 120.000 cây; Keo hom 79.769 cây; Keo tai tượng (hạt) 60.000 cây; Keo mô 50.000 cây; Hồi (hạt) 165.000 cây; Lát hoa (hạt) 49.000 cây;

Quế (hạt) 170.000 cây; Dẻ ăn hạt (ghép) 10.000 cây; Đinh (hạt) 820 cây; Long não (hạt) 1.000 cây; Xoan ta (hạt) 3.400 cây.

d) Tiêu chuẩn cây giống: cây giống hỗ trợ trồng phân tán đảm bảo đáp ứng yêu cầu về nguồn gốc xuất xứ theo các quy định:

- Danh mục các tiêu chuẩn quốc gia về giống cây trồng lâm nghiệp đối với các loài cây có Tiêu chuẩn quốc gia, ngoài ra theo các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành.

- Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

đ) Kỹ thuật trồng cây phân tán: theo Hướng dẫn số 405/QĐ-LN-PTR, ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Cục Lâm nghiệp ban hành Hướng dẫn kỹ thuật trồng cây phân tán; Hướng dẫn số 07/HD-SNNMT ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Chương trình trồng cây xanh phân tán trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

e) Đối tượng: tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia trồng cây phân tán.

g) Điều kiện hỗ trợ: tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất và nhu cầu trồng cây phân tán.

h) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

i) Thời gian thực hiện: Năm 2026.

k) Nguồn kinh phí: vốn giao cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (sự nghiệp lâm nghiệp khác) tại Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

2. Dự toán kinh phí.

Tổng kinh phí là 3.000.000.000 đồng, trong đó:

a) Chi phí cây giống: 2.927.304.554 đồng.

b) Chi phí lập hồ sơ (gồm: Chi phí lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT; Chi phí thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu): 45.695.446 đồng.

c) Chi phí thẩm định giá: 27.000.000 đồng.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư căn cứ nhu cầu thực tế của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại các xã, phường, kinh phí được giao và nội dung kế hoạch, dự toán được phê duyệt, phân bổ chi tiết số lượng từng loài cây đến các xã, phường, triển khai các bước tiếp theo để làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có phát sinh thay đổi số lượng chi tiết từng loài cây theo nhu cầu thực tế giữa các xã, phường, chủ đầu tư chủ động điều chỉnh cho phù hợp, nhưng đảm bảo không được vượt tổng số cây và kinh phí

được phê duyệt, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Uỷ ban nhân dân tỉnh kết quả điều chỉnh.

3. Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu, tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác, phù hợp quy định của số liệu và nội dung tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực VI, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Các PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(HĐN).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Trần Thanh Nhàn

DỰ TOÁN KINH PHÍ TRỒNG CÂY XANH PHÂN TÁN NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND, ngày /4/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

TT	Nội dung	Số lượng (cây)	Đơn giá (đồng/cây)	Thành tiền (đồng)
	TỔNG (I+II+III)			**3.000.000.000**
I	**Chi phí cây giống**	**708.989**		**2.927.304.554**
1	Thông đuôi ngựa/ Thông Mã vĩ (hạt)	120.000	1.700	204.000.000
2	Keo hom	79.769	1.800	143.584.554
3	Keo tai tượng (hạt)	60.000	1.650	99.000.000
4	Keo mô	50.000	3.850	192.500.000
5	Hồi (hạt)	165.000	5.900	973.500.000
6	Lát hoa (hạt)	49.000	9.600	470.400.000
7	Quế (hạt)	170.000	2.900	493.000.000
8	Dẻ ăn hạt (ghép)	10.000	29.500	295.000.000
9	Đinh (hạt)	820	21.000	17.220.000
10	Long não (hạt)	1.000	8.500	8.500.000
11	Xoan ta (hạt)	3.400	9.000	30.600.000
II	**Chi phí lập hồ sơ**			**45.695.446**
1	Chi phí lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT			29.100.000
2	Chi phí thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu			16.595.446
III	**Chi phí chứng thư thẩm định giá**			**27.000.000**